

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **158/2022/DS-PT**

Ngày: 05 - 9 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Bà Đinh Thị Tuyết;

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2022/TLPT-DS ngày 13/7/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST, ngày 20/5/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐ-PT ngày 09/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 159/2022/QĐ-PT ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Đường V, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955; địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Văn Công M, sinh năm 1994 (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2022); địa chỉ: Đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Hoàng Thị Kim H1, sinh năm 1960, có mặt;

3.2. Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1991, có mặt.

Cùng địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày có nội dung như sau:*

Do có quan hệ quen biết (do bà Nguyễn Thị N giới thiệu) nên từ ngày 27/3/2017 đến ngày 24/7/2018, bà Ngô Thị H có cho ông Nguyễn Văn C vay tổng số tiền là 940.000.000 đồng, ông C có viết và ký giấy vay tiền giao cho bà H. Cụ thể, từng lần vay tiền như sau: Lần 1: Ngày 27/3/2017 vay 70.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 25/8/2017 vay 30.000.000 đồng; Lần 3: Ngày 25/11/2017 vay 30.000.000 đồng; Lần 4: Ngày 25/11/2017 vay 30.000.000 đồng; Lần 5: Ngày 24/3/2018 vay 210.000.000 đồng; Lần 6: Ngày 24/4/2018 vay 210.000.000 đồng; Lần 7: Ngày 24/4/2018 vay 20.000.000 đồng; Lần 8: Ngày 05/02/2018 vay 20.000.000 đồng; Lần 9: Ngày 24/5/2018 vay 20.000.000 đồng; Lần 10: Ngày 24/7/2018 vay 300.000.000 đồng;

Khi vay, hai bên thỏa thuận lãi suất là 30.000 đồng/triệu/tháng, khi nào bà H cần tiền thì báo trước cho ông C 01 tháng. Để bảo đảm cho khoản vay thì ông C có đưa cho bà H cầm cố bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 148992 của ông C. Quá trình vay, ông C đã trả được tổng số tiền lãi là 49.800.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà H số tiền gốc còn nợ là 940.000.000 đồng và tiền lãi suất là 400.000.000 đồng, tổng số tiền là 1.340.000.000 đồng trong vòng 01 tháng. Khi ông C trả xong nợ thì bà sẽ trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 148992 cho ông C. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C trả số tiền gốc 940.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày có nội dung như sau:*

Do có quan hệ quen biết, làm ăn chung với nhau nên từ ngày 27/3/2017 đến ngày 24/7/2018 ông C có vay bà Ngô Thị H tổng số tiền là 940.000.000 đồng như bà H trình bày. Ông C thừa nhận hiện còn nợ lại bà H số tiền gốc là 940.000.000 đồng. Ông C xác định số tiền nợ này là việc làm ăn riêng giữa ông và bà H, không liên quan đến vợ và con ông C. Việc bà H khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền nợ gốc còn lại là 940.000.000 đồng và 400.000.000 đồng tiền lãi, tổng số tiền là 1.340.000.000 đồng, thì ông C đồng ý trả toàn bộ số tiền trên cho bà H, thời hạn trả nợ là trong vòng 01 tháng.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn C là ông Văn Công M trình bày có nội dung như sau:*

Ông C thừa nhận có việc vay tiền của bà H, nhưng ông C thay đổi lời khai và cho rằng theo giấy vay tiền cuối cùng ông C viết cho bà Ngô Thị H vào ngày 24/7/2018, ông C có nợ bà Ngô Thị H tổng số tiền gốc và lãi từ ngày 27/3/2017 đến ngày 24/7/2018 là 300.000.000 đồng, bởi lẽ:

Trong những lần viết giấy vay tiền để chốt nợ gốc và lãi trước đó, ông C có yêu cầu bà H trả lại cho ông C các giấy vay tiền trước nhưng bà H bảo bà sẽ xé bỏ những giấy vay mượn tiền này, vì là chỗ thân quen nên ông C đã hoàn toàn tin

tưởng bà H. Sau này, ông C mới biết được bà H không hề xé bỏ các tờ giấy vay tiền trước đó ông C viết, cụ thể là giấy mượn tiền ngày 27/3/2017 (1); ngày 25/8/2017 (2); ngày 25/11/2017 (3); 05/02/2018 (4); giấy chốt tổng khoản tiền vay ngày 24/3/2018 (5); giấy xác nhận nợ ngày 24/3/2018 (6); 02 giấy vay tiền 24/4/2018 (7); giấy vay tiền ngày 24/5/2018 (8).

Đến ngày 27/12/2021, bà H đem tất cả các giấy vay tiền của ông C, bắt đầu là giấy ngày 27/3/2017 đến giấy chốt nợ sau cùng vào ngày 24/7/2018 (tất cả là 10 giấy vay tiền) để khởi kiện ông C, với tổng số tiền nợ là 940.000.000 đồng.

Thực tế từ ngày 27/3/2017 đến ngày 24/7/2018, ông C chỉ vay và nhận từ bà Ngô Thị H với số tiền là 150.000.000 đồng. Nhưng vì đang gặp khó khăn về tiền bạc để chi tiêu, ông C đã chấp nhận việc bà H tính lãi suất tương đương 10%/tháng nên tính đến ngày 24/7/2018, lãi suất mẹ đẻ lãi suất con, số tiền vay mượn lên đến 300.000.000 đồng, ông C chấp nhận việc này vì đã giao kèo khi vay mượn. Tuy nhiên, ngoài việc đó ra, bà H đã lợi dụng sự tin tưởng của ông C; lợi dụng hoàn cảnh và tình trạng quản trị của ông C những lúc đó, bà H đã ép buộc ông C, lừa ông C ghi nhiều giấy nợ đối với cùng một số tiền. Sau đó bà H đem hết toàn bộ những giấy nợ mà bà H nói với ông C là đã xé bỏ để khởi kiện ông C với số tiền lên đến 940.000.000 đồng, cộng với tiền lãi hơn 600.000.000 đồng, là không đúng nên ông C không đồng ý.

Ngoài ra, ông C yêu cầu Tòa án áp dụng quy định của pháp luật về thời hiệu đối với 08 khoản vay từ ngày 27/3/2017 đến ngày 24/4/2018.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim H1 và ông Nguyễn Hoàng T trình bày có nội dung sau:*

Bà Hoàng Thị Kim H1 và ông Nguyễn Hoàng T là vợ và con của ông C, bà H1 và ông T không biết việc ông C vay tiền của bà H và ông C cũng không sử dụng tiền vay vào mục đích chung của gia đình nên bà H1 và ông T không liên quan gì đến khoản nợ này và từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa.

**/ Người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày như sau:* Bà N có quan hệ quen biết ông Nguyễn Văn C và biết rõ gia đình ông C thời gian đã 20 năm. Khi ông C cần vốn làm ăn có nhờ bà hỏi vay của bà H vào ngày 27/3/2017 và ngày 25/8/2017, thì ông C có vay hai lần tiền của bà H, tổng cộng là 100.000.000 đồng, giữa bà H và ông C có làm giấy vay tiền do hai bên ký nhận và có nhờ bà N ký vào chỗ người làm chứng. Bà N xác định việc vay tiền và nhận tiền giữa hai bên như thế nào thì bà không biết và không liên quan gì đến trách nhiệm của bà. Do công việc bận nên bà N từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị H.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị H tổng số tiền 1.446.249.546 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 940.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 20/5/2022 là 506.249.546 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc nguyên đơn bà Ngô Thị H giao trả lại cho ông Nguyễn Văn C 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 148992, thửa đất số 535, tờ bản đồ số 36 mang tên ông Nguyễn Văn C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Ngô Thị H được nhận lại số tiền 28.670.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0004534 ngày 15/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Trong 10 lần ông C vay tiền bà H thì có 08 lần vay tiền không ghi thời hạn trả nợ; theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, thì bà H phải báo trước cho ông biết trước một thời gian hợp lý nhưng thực tế thì ông C không nhận được bất kỳ thông báo nào từ bà H. Lẽ ra, Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện đối với 08 giấy vay tiền này, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với 08 giấy vay tiền này là không đúng. Do đó, ông C đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn C giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Ông C có viết và ký giấy vay tiền của bà H, tổng số tiền là 940.000.000 đồng; trong các giấy vay tiền không thể hiện việc chốt nợ như ông C đã trình bày và ông C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, việc bản án sơ thẩm xác định ông C còn nợ bà H số tiền gốc 940.000.000 đồng, là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn ông C cho rằng 08 khoản vay từ ngày 27/3/2017 đến ngày 24/4/2018 đã hết thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở. Đây là khoản vay không kỳ hạn nên thời điểm tính lãi được tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm; đối với khoản vay ngày 24/5/2018 thì thời hạn trả nợ và lãi trong hạn là hết ngày 30/9/2018. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại xác định thời hạn trả tiền gốc và lãi trong hạn đến hết ngày 31/12/2018 là không chính xác. Do đó, phần lãi suất của bản án sơ thẩm là không chính xác. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp

nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm, về phần lãi suất mà bị đơn phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C, xét thấy:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị H và bị đơn ông Nguyễn Văn C đều xác định: Ông C có viết và ký giấy vay tiền của bà H, tổng số tiền là 940.000.000 đồng. Sau đó, ông C thay đổi lời khai và cho rằng trong số các khoản vay, có khoản vay là chót nợ của khoản vay trước. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2021 (bút lục số 31) và Biên bản làm việc về việc không tiến hành hòa giải được ngày 26/10/2021 (bút lục số 46), ông C đều đã thừa nhận còn nợ bà H số tiền 940.000.000 đồng; đồng thời, trong các giấy vay tiền không thể hiện việc chót nợ như ông C đã trình bày và ông C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, phía bà H cũng không chấp nhận ý kiến của ông C. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà H đã lợi dụng sự tin tưởng của ông C, lợi dụng hoàn cảnh và tình trạng quản trị của ông C và đã ép buộc ông C ghi nhiều giấy nợ đối với cùng một số tiền, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, việc bản án sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn C còn nợ bà Ngô Thị H số tiền gốc 940.000.000 đồng, là có căn cứ.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 27/3/2017, ông C viết Giấy vay tiền, trong đó vay số tiền 70.000.000 đồng;

Ngày 25/8/2017, ông C vay thêm 30.000.000 đồng và thỏa thuận khi nào bà H cần thì báo trước 01 tháng;

Ngày 25/11/2017, ông C vay thêm 30.000.000 đồng; cùng ngày, ông C viết giấy vay tiền, trong đó vay 30.000.000 đồng và ghi rõ “nếu có gì thì báo trước 10 ngày”;

Ngày 05/02/2018, ông C viết Giấy vay tiền, trong đó vay số tiền 20.000.000 đồng và ghi rõ nội dung “khi nào cần sẽ báo trước”;

Ngày 24/3/2018, ông C tiếp tục vay thêm số tiền 210.000.000 đồng;

Ngày 24/4/2018, ông C viết Giấy vay tiền, trong đó vay số tiền 210.000.000 đồng và có ghi nội dung “khi nào cần báo trước 01 tháng”. Cùng ngày, ông C viết Giấy vay tiền, trong đó vay số tiền 20.000.000 đồng;

Ngày 24/5/2018, ông C viết Giấy vay tiền, trong đó vay số tiền 20.000.000 đồng và hẹn sẽ thanh toán vào cuối tháng 9/2018.

Ngày 24/7/2018, ông C viết Giấy vay tiền, trong đó vay số tiền là 300.000.000 đồng, hẹn sẽ thanh toán vào cuối năm, hết tháng 12/2018 sẽ trả đủ.

Như vậy, các lần vay tiền trên, chỉ có hai lần vay cuối (ngày 24/5/2018 và ngày 24/7/2018) có xác định thời hạn vay. Các lần vay trước đó đều thỏa thuận khi nào cần báo trước, thời hạn dài nhất mà các bên thỏa thuận báo trước là 01 tháng.

Bà H trình bày cho rằng đến hạn của khoản vay cuối cùng (ngày 31/12/2018), bà có yêu cầu ông C trả hết toàn bộ số tiền của các lần vay trước, nhưng ông C không trả. Bản án sơ thẩm xác định thời gian hợp lý của tất cả các khoản vay là hết tháng 12/2018 (ngày 31/12/2018), là không chính xác, bởi lẽ các khoản vay này là độc lập với nhau, trong đó: khoản vay ngày 24/5/2018 có thời hạn trả nợ là hết ngày 30/9/2018; khoản vay ngày 24/7/2018 có thời hạn trả nợ là hết ngày 31/12/2018; còn 08 khoản vay từ ngày 27/3/2017 đến ngày 24/4/2018 là khoản vay không xác định thời hạn trả nợ và bà H không cung cấp được chứng cứ về việc đã yêu cầu ông C trả tất cả 08 khoản vay trên vào ngày 31/12/2018. Do đó, 08 khoản vay từ ngày 27/3/2017 đến ngày 24/4/2018 là khoản vay không kỳ hạn.

Ngày 22/7/2021, bà H khởi kiện yêu cầu ông C trả toàn bộ số tiền vay là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C cho rằng 08 khoản vay này đã hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Do các bên có tranh chấp về mức lãi nên việc bản án sơ thẩm xác định mức lãi suất 10%/năm, là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với 08 khoản vay từ ngày 27/3/2017 đến ngày 24/4/2018: Đây là khoản vay không kỳ hạn nên thời điểm tính lãi được tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 20/5/2022; đối với khoản vay ngày 24/5/2018 thì thời hạn trả nợ và lãi trong hạn là hết ngày 30/9/2018. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại xác định thời hạn trả tiền gốc và lãi trong hạn đến hết ngày 31/12/2018 là không chính xác. Do đó, cần tính toán lại cho phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:

- Về tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả của 08 khoản vay từ ngày 27/3/2017 đến ngày 24/4/2018:

+ Khoản vay ngày 27/3/2017 (từ ngày 27/3/2017 đến ngày 20/5/2022):
 $70.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 05 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 35.997.260 \text{ đồng}.$

+ Khoản vay ngày 25/8/2017 (từ ngày 25/8/2017 đến ngày 20/5/2022):
 $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 14.178.082 \text{ đồng}.$

+ 02 Khoản vay ngày 25/11/2017 (từ ngày 25/11/2017 đến ngày 20/5/2022):
 $60.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 26.876.712 \text{ đồng}.$

+ Khoản vay ngày 05/02/2018 (từ ngày 05/02/2018 đến ngày 20/5/2022):
 $20.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 8.575.342 \text{ đồng}.$

+ Khoản vay ngày 24/3/2018 (từ ngày 24/3/2018 đến ngày 20/5/2022):
 $210.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 87.221.918 \text{ đồng}.$

+ 02 Khoản vay ngày 24/4/2018 (từ ngày 24/4/2018 đến ngày 20/5/2022):
 $230.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ năm } 26 \text{ ngày} = 93.638.356 \text{ đồng}.$

- Tiền lãi của khoản vay ngày 24/5/2018:

+ Lãi trong hạn từ ngày 24/5/2018 đến ngày 30/9/2018: $20.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 690.411 \text{ đồng}.$

+ Lãi trên nợ lãi trong hạn từ ngày 01/10/2018 đến ngày 20/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm): $690.410 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 250.439 \text{ đồng}.$

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 01/10/2018 đến ngày 20/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm): 20.000.000 đồng x 150% x 10%/năm x 03 năm 07 tháng 19 ngày = 10.882.192 đồng.

- *Tiền lãi của khoản vay ngày 24/7/2018:*

+ Lãi trong hạn từ ngày 24/7/2018 đến ngày 31/12/2018: 300.000.000 đồng x 10%/năm x 05 tháng 07 ngày = 12.904.110 đồng.

+ Lãi trên nợ lãi trong hạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 20/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm): 12.904.110 đồng x 10%/năm x 03 năm 04 tháng 19 ngày = 4.362.650 đồng.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 01/01/2019 đến ngày 20/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm): 300.000.000 đồng x 150% x 10%/năm x 03 năm 04 tháng 19 ngày = 152.136.986 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi của tất cả các khoản vay là 447.714.458 đồng. Hai bên xác định ông C đã trả cho bà H được 49.800.000 đồng tiền lãi, nhưng không xác định được thời điểm trả, nên cần khấu trừ số tiền lãi đã trả này. Do đó, số tiền lãi còn lại chưa trả là 397.914.458 đồng và chênh lệch với quyết định của bản án sơ thẩm là 108.335.088 đồng.

[4] Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm xác định thời hạn trả nợ của những khoản vay trên chưa chính xác, dẫn đến tính không đúng số tiền lãi, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C là có căn cứ chấp nhận một phần. Do đó, Hội đồng xét xử cần sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên bản án sơ thẩm miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông C là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Các Điều 429, Điều 463, 465, 466, 468, 469 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị H.

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị H tổng số tiền 1.337.914.458 đồng (*một tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười bốn ngàn, bốn trăm năm mươi tám đồng*), trong đó: Số tiền nợ gốc là 940.000.000 đồng (*chín trăm bốn mươi triệu đồng*) và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 20/5/2022 là 397.914.458 đồng (*ba trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm mười bốn ngàn, bốn trăm năm mươi tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Buộc nguyên đơn bà Ngô Thị H giao trả lại cho ông Nguyễn Văn C 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 148992, thửa đất số 535, tờ bản đồ số 36, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/01/2017 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Ngô Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.670.000 đồng, theo biên lai thu số 60AA/2021/0004534 ngày 15/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (do Nguyễn Thị Kim A nộp thay), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019639 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình